

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 1058/CHHVN-TC
V/v tham gia ý kiến dự thảo Nghị
định quy định chi tiết và hướng dẫn
thi hành một số điều của Luật Phí
và lệ phí

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016

Kính gửi:

- Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng;
- Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Cảng vụ Hàng hải TP.HCM.



Thực hiện công văn số 2698/BGTVT-TC ngày 15/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc tham gia ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí. Để có cơ sở tham gia ý kiến với Bộ Giao thông vận tải, đề nghị các Cảng vụ Hàng hải nghiên cứu Dự thảo (*có tài liệu sao gửi kèm theo*), tham gia ý kiến bằng văn bản và gửi về Cục Hàng hải Việt Nam, qua phòng Tài chính (*gửi trước vào hòm thư: huytq@vinamarine.gov.vn*) trong ngày 18/03/2016 để Cục tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

Đề nghị các đơn vị khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (b/c);
- PCT Đỗ Đức Tiến (b/c);
- Website Cục HHVN;
- Lưu: VT, TC (2b).

**TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH**



Nguyễn Văn Nga

PCT TROS
TC
18/3

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 2698 /BGTVT-TC
V/v tham gia ý kiến dự thảo
Nghị định quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số
điều của Luật Phí và lệ phí

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

| | |
|----------------------------------|--|
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM | |
| CÔNG VĂN ĐẾN | |
| Số: No - - - 3807 | |
| T.gian đến: 9.16.03.2016 | |
| T.gian chuyển lại: h. 16.03.2016 | |

HÒA TỐC
Kính gửi:

A-Huy
18/3

- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Các cục: Đường sắt Việt Nam; Đường thủy nội địa Việt Nam; Hàng hải Việt Nam; Hàng không Việt Nam; Đăng kiểm Việt Nam;
- Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương;
- Các Tổng công ty Bảo đảm ATHH miền Bắc, miền Nam.

Bộ Giao thông vận tải nhận được Công văn số 2887/BTC-CST ngày 04/03/2016 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

Để có cơ sở tham gia ý kiến với Bộ Tài chính, đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiên cứu Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí gửi kèm Công văn số 2887/BTC-CST ngày 04/03/2016 của Bộ Tài chính (có bản sao gửi kèm công văn này), tham gia ý kiến bằng văn bản, gửi về Bộ Giao thông vận tải (qua Vụ Tài chính) trước ngày 18/03/2016 để Bộ tổng hợp, tham gia ý kiến với Bộ Tài chính.

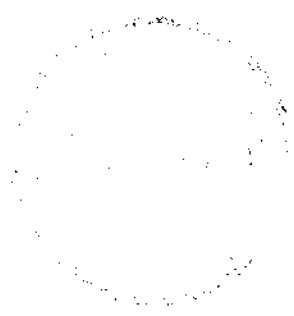
Đề nghị các đơn vị khẩn trương thực hiện. /.

- Nơi nhận:**
- Như trên;
 - Bộ trưởng (để b/c)
 - Lưu VT, TC (Bông).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Trường



BỘ TÀI CHÍNH

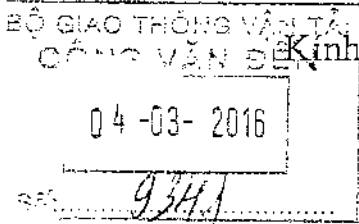
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~2887~~/BTC-CST

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2016

V/v xin ý kiến về dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí

Handwritten signatures and initials: "ke TC", "dy", and another signature.



Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Ngày 25 tháng 11 năm 2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XIII đã thông qua Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017. Tại Điều 25 Luật phí và lệ phí quy định: *Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.*

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài chính dự thảo: Tờ trình Chính phủ và Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

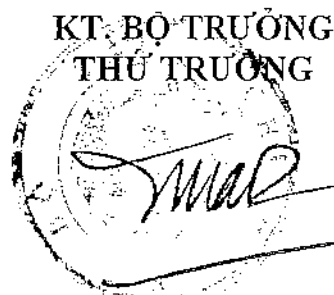
Đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia để Bộ Tài chính hoàn thiện các dự thảo nêu trên, trình Chính phủ.

Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 25/3/2016.

Cảm ơn sự phối hợp công tác của quý cơ quan. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập (để có ý kiến tham gia);
- Lưu: VT, CST (CST5).



Vũ Thị Mai

Handwritten notes and signatures at the bottom of the page, including 'ke TC', 'dy', and '9/3'.

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn
thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 25/11/2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XIII đã thông qua Luật phí và lệ phí, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Dự thảo Nghị định đã được gửi lấy ý kiến rộng rãi của các Bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân thông qua Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Trang thông tin điện tử của Chính phủ. Thay mặt Ban soạn thảo, Bộ Tài chính xin trình Chính phủ dự án Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Triển khai thực hiện Pháp lệnh phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002, Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 và Nghị định số 115/2011/NĐ-CP ngày 14/12/2011 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí (sau đây gọi tắt là Nghị định số 57/2002/NĐ-CP). Qua 13 năm triển khai thực hiện, cơ bản đã đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra, cụ thể là: Hệ thống văn bản được ban hành kịp thời, đồng bộ, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định về phí, lệ phí; cơ chế quản lý phí, lệ phí được đổi mới theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá các dịch vụ công, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công để phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của tình hình kinh tế - xã hội; chủ trương, đường lối của Đảng và Hiến pháp năm 2013, Quốc hội khoá XIII đã thông qua Luật phí và lệ phí, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017. Trong đó, có nhiều quy định mới so với quy định tại Pháp lệnh phí và lệ phí hiện hành. Tại Điều 25 Luật phí và lệ phí quy định: *Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật*. Do đó, cần xây dựng và ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Quan điểm

- Cụ thể hóa Luật phí và lệ phí, phù hợp chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành;

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn thu từ phí, lệ phí; tăng cường quản lý nhà nước và kỷ luật, kỷ cương tài chính;

- Kế thừa mặt tích cực của các quy định còn phù hợp, đồng thời khắc phục triệt để những mặt hạn chế, tồn tại của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP.

2. Mục tiêu

- Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan;

- Đẩy mạnh XHH một số loại hình dịch vụ công, phù hợp với sự vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Đảm bảo chính sách phí, lệ phí công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

A. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 3 Chương, 7 Điều, cụ thể:

- Chương I: Những quy định chung (*Điều 1 và Điều 2*).

- Chương II: Kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí (*Điều 3 và Điều 4*).

- Chương III: Điều khoản thi hành (*từ Điều 5 đến Điều 7*).

B. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

1. Về phạm vi điều chỉnh (*Điều 1*)

Tại Điều 25 Luật phí và lệ phí quy định: *Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật*. Tại Luật có 05 Điều liên quan đến Chính phủ, trong đó:

- Điều 10 quy định về miễn giảm phí, lệ phí: *3. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng được miễn, giảm đối với từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền*. Điều này liên quan đến 07 khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ được quy định trong Danh mục phí, lệ phí kèm theo Luật. Việc miễn, giảm các khoản phí, lệ phí này sẽ được quy định cụ thể tại các Nghị định quy định về từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Chính phủ.

- Điều 24 quy định về chuyên tiếp: *Chính phủ quy định cụ thể cơ quan có thẩm quyền quy định giá và hình thức định giá*. Năm 2016, Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ sửa đổi Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 11/4/2013

quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá. Theo đó, sẽ nghiên cứu quy định chi tiết về các khoản phí chuyển sang giá tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí.

- Có 03 Điều sẽ được quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật gồm: Điều 11 về kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí; Điều 12 về thu, nộp quản lý và sử dụng phí và Điều 18 về Trách nhiệm và thẩm quyền của Chính phủ.

Căn cứ các điều khoản được giao trong Luật, Điều 1 của dự thảo Nghị định quy định: *Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí về kê khai, nộp phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức trong việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.*

2. Về kê khai, thu, nộp phí, lệ phí (Điều 3)

Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 11 Luật phí và lệ phí quy định như sau:

2. Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh.

3. Người nộp phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí cho cơ quan thu hoặc Kho bạc nhà nước bằng các hình thức: nộp trực tiếp bằng tiền mặt hoặc thông qua tổ chức tín dụng, tổ chức dịch vụ và hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2.1. Về kê khai, thu, nộp phí, lệ phí

Việc kê khai, thu, nộp phí, lệ phí hiện hành đang thực hiện theo:

(i) Pháp luật về quản lý thuế: Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế. Trong đó, điều chỉnh các khoản phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp cho cơ quan thuế.

Đối tượng thực hiện kê khai, nộp gồm:

- Tất cả các tổ chức thu phí, lệ phí;
- Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ nộp phí, lệ phí (người nộp phí, lệ phí): áp dụng đối với một số khoản như phí BVMT đối với khai thác khoáng sản và lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài.

(ii) Pháp luật về phí, lệ phí: Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002, Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí. Trong đó, điều chỉnh các khoản phí, lệ phí thực hiện khai, nộp cho tổ chức thu phí, lệ phí. Đối tượng thực hiện khai, nộp gồm: Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ nộp phí, lệ phí (trừ một số trường hợp khai, nộp cho cơ quan thuế nêu trên);

Có 02 đối tượng thuộc diện phải thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí cụ thể:

a) Người nộp phí, lệ phí thực hiện khai, nộp phí, lệ phí cho cơ quan thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ, cụ thể:

- Các khoản phí, lệ phí khai, nộp cho cơ quan thuế gồm: Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản và lệ phí trước bạ.

- Các khoản phí, lệ phí còn lại thực hiện khai, nộp trực tiếp cho tổ chức thu phí, lệ phí, cụ thể:

+ Phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện: Theo quy định tại Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện thì: chủ phương tiện lập và nộp Tờ khai cho cơ quan đăng kiểm ngay khi hết chu kỳ đăng kiểm trước. Tờ khai theo chu kỳ đăng kiểm (1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm,...).

+ Các khoản phí, lệ phí còn lại: người nộp phí thực hiện nộp phí trực tiếp cho tổ chức thu phí, lệ phí mà không cần lập Tờ khai phí, lệ phí.

Theo quy định tại Luật phí và lệ phí có 04 cơ quan có thẩm quyền quy định về phí, lệ phí: UBND, Chính phủ, Bộ Tài chính, HĐND cấp tỉnh. Các cơ quan này sẽ ban hành văn bản quy định cụ thể từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền.

Để đảm bảo quy định kê khai, nộp phí, lệ phí của người nộp phù hợp với tình hình thực tế từng khoản thu, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: *1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh theo quy định.*

Theo quy định này, khi các cơ quan ban hành văn bản quy định thu từng khoản phí, lệ phí sẽ quy định cụ thể việc kê khai, thu, nộp phí, lệ phí phù hợp.

(ii) Tổ chức thu phí, lệ phí (sau đây gọi tắt là tổ chức thu):

Tổ chức thu thực hiện kê khai phí, lệ phí thu được với cơ quan thuế theo quy định pháp luật quản lý thuế. Do các khoản phí đều quy định khai theo tháng, nên Nghị định số 83/2013/NĐ-CP không quy định khai theo quý.

Ngoài việc khai, nộp cho cơ quan thuế, tổ chức thu còn phải thực hiện mở Tài khoản tạm giữ phí, lệ phí tại KBNN nơi thu để theo dõi, quản lý tiền phí, lệ phí. Căn cứ vào tình hình thu phí, lệ phí (số tiền phí, lệ phí thu được nhiều hay ít, nơi thu phí, lệ phí xa hay gần KBNN,...) mà định kỳ hàng ngày hoặc hàng tuần, tổ chức thu phải gửi số tiền phí, lệ phí đã thu được trong kỳ vào Tài khoản tạm giữ tiền phí, lệ phí. Định kỳ kê khai và nộp số thu còn lại phải nộp NSNN (chuyển từ tài khoản tạm giữ sang thu NSNN) – *theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí.*

a) Đối với lệ phí: Theo quy định tại Luật phí và lệ phí thì lệ phí nộp 100% vào NSNN, để giảm thủ tục hành chính (không phải nộp vào Tài khoản tạm giữ phí, lệ phí tại KBNN), Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: *Tổ chức thu thực hiện nộp toàn bộ*

tiền lệ phí thu được vào NSNN. Căn cứ số tiền lệ phí thu được, định kỳ tổ chức thu phải nộp tiền lệ phí đã thu được trong kỳ vào NSNN. Hàng tháng, tổ chức thu thực hiện kê khai với cơ quan thuế và nộp số tiền lệ phí còn lại (nếu có) vào NSNN và thực hiện báo cáo năm số tiền lệ phí thu được theo quy định.

b) Đối với phí: để đảm bảo nguyên tắc các khoản thu NSNN phải được nộp kịp thời vào NSNN và KBNN thực hiện kiểm soát chi của các tổ chức thu phí, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: *Căn cứ số tiền phí thu được, định kỳ hàng ngày hoặc hàng tuần, tổ chức thu phải gửi số tiền phí thu được vào tài khoản tiền phí chờ nộp ngân sách mở tại KBNN. Tổ chức thu thực hiện kê khai tiền phí thu được theo kỳ khai tháng và quyết toán năm và nộp tiền phí vào NSNN theo quy định pháp luật về quản lý thuế.*

* c) Trường hợp đặc thù: Ngoài các khoản phí thực hiện kê khai, nộp theo quy định nêu trên, khoản phí sử dụng đường bộ thực hiện khai, nộp riêng như sau:

Theo quy định tại Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về quỹ bảo trì đường bộ thì phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện thu được nộp vào Quỹ bảo trì đường bộ (không nộp vào NSNN). Do phí thu được không nộp NSNN như các khoản phí, lệ phí khác, tại Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính quy định: Cơ quan đăng kiểm thực hiện thu phí. Phí thu được (sau khi trừ 1% tiền phí để lại cho cơ quan thu) nộp vào Tài khoản của Quỹ bảo trì đường bộ. Cơ quan thu phí không phải thực hiện khai, nộp phí với cơ quan thuế.

Để phù hợp với thực tế thu nộp phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: *Phí sử dụng đường bộ (thu theo đầu phương tiện) thực hiện theo quy định của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ.*

1.3. Về chứng từ thu phí, lệ phí

Theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật quản lý thuế và khoản 2 Điều 14 Luật phí và lệ phí thì cơ quan thu phí, lệ phí phải lập và cấp chứng từ thu phí, lệ phí cho người nộp; để đảm bảo đầy đủ các cơ sở của việc thu, nộp, quản lý phí, lệ phí, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau: *Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu phí, lệ phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.*

2. Về đồng tiền nộp phí, lệ phí

Tại khoản 4 Điều 11 Luật phí và lệ phí quy định như sau: *Phí, lệ phí thu tại Việt Nam bằng đồng Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật quy định được thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ. Phí, lệ phí thu ở nước ngoài được thu bằng tiền của nước sở tại hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.*

Hiện nay, các khoản phí, lệ phí có quy định thu bằng ngoại tệ gồm: phí, lệ phí thu tại nước ngoài (lệ phí cấp visa, lệ phí quốc tịch,...); phí, lệ phí thu tại cửa khẩu (như: phí, lệ phí thuộc lĩnh vực hàng hải; phí, lệ phí xuất nhập cảnh;...). Tại các văn bản quy định thu các khoản phí, lệ phí này quy định: Đối với mức thu quy định bằng đồng Đô la Mỹ thì được thu bằng đồng Đô la Mỹ hoặc thu bằng Việt Nam đồng trên cơ sở quy đổi từ Đô la Mỹ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán ngoại tệ bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu tiền phí, lệ phí.

Liên quan đến tỷ giá quy đổi ngoại tệ và Việt Nam đồng, pháp luật về quản lý thuế đã quy định quy đổi theo tỷ giá thực tế, cụ thể:

- Tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 02/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2015/NĐ-CP quy định: Trường hợp người nộp thuế có nghĩa vụ phải nộp bằng ngoại tệ nhưng được cơ quan có thẩm quyền cho phép nộp thuế bằng đồng Việt Nam thì người nộp thuế và cơ quan thuế căn cứ số tiền Việt Nam đồng trên chứng từ nộp tiền vào NSNN và tỷ giá quy định tại khoản này để quy đổi số tiền bằng ngoại tệ để thanh toán cho nghĩa vụ phải nộp bằng ngoại tệ cụ thể như sau:

Trường hợp nộp tiền tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước thì áp dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm người nộp thuế nộp tiền vào NSNN.

- Tại khoản 3 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, quy định: Tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng tiền nước ngoài dùng để xác định trị giá tính thuế là tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm cuối ngày của ngày thứ năm tuần trước liền kề hoặc là tỷ giá cuối ngày của ngày làm việc liền trước ngày thứ năm trong trường hợp ngày thứ năm là ngày lễ, ngày nghỉ. Tỷ giá này được sử dụng để xác định tỷ giá tính thuế cho các tờ khai hải quan đăng ký trong tuần.

Người nộp phí, lệ phí có thể nộp phí, lệ phí trực tiếp bằng tiền mặt cho tổ chức thu hoặc thông qua tổ chức tín dụng. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện nộp phí, lệ phí thu được vào KBNN. Để đảm bảo đồng bộ với quy định pháp luật quản lý thuế và tình hình thực tế, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị định như sau:

3. Đồng tiền thu nộp phí, lệ phí

a) Phí, lệ phí thu tại Việt Nam bằng đồng Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật quy định được thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ. Trường hợp quy định thu

bằng ngoại tệ thì được thu bằng ngoại tệ hoặc thu bằng Việt Nam đồng trên cơ sở quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá như sau:

Trường hợp nộp phí, lệ phí tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng thì áp dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi người nộp phí, lệ phí mở tài khoản tại thời điểm nộp phí, lệ phí.

Trường hợp nộp phí, lệ phí trực tiếp bằng tiền mặt cho tổ chức thu phí, lệ phí và tổ chức thu phí, lệ phí nộp tiền phí, lệ phí thu được vào NSNN áp dụng tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nộp phí, lệ phí.

b) Phí, lệ phí thu ở nước ngoài được thu bằng tiền của nước sở tại hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

3. Về quản lý và sử dụng phí (Điều 4)

Điều 12 Luật phí và lệ phí quy định về thu, nộp, quản lý và sử dụng phí như sau:

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào NSNN, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ, phần còn lại nộp NSNN.

Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí trên cơ sở dự toán được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, phần còn lại nộp NSNN.

2. Số tiền phí được khấu trừ và được để lại quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng như sau:

a) Số tiền phí được để lại cho tổ chức thu để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng loại phí, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định mức để lại cho tổ chức thu phí;

b) Số tiền phí để lại được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật; hằng năm phải quyết toán thu, chi. Số tiền phí chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí; phần còn lại nộp NSNN; việc quản lý và sử dụng phí thu được theo quy định của pháp luật.

Theo quy định nêu trên, các nội dung cần quy định chi tiết như sau:

3.1. Về cơ quan nhà nước được khoán chi

a) Hiện nay, cơ quan hành chính nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của

Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các đơn vị nhà nước.

Một số cơ quan được TTCP cho phép áp dụng cơ chế tự chủ tài chính đặc thù như: Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Bộ Tài chính); Cục Hàng không, Cục Hàng hải,...(Bộ GTVT); Cục Tần số, Cục Viễn thông (Bộ Thông tin & Truyền thông); Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (Bộ Ngoại giao);...

- *Đối với cơ quan nhà nước ở địa phương*: qua tìm hiểu chưa có cơ quan nào được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù.

b) Theo quy định pháp luật phí hiện hành, tổ chức thu phí được để lại 1 phần tiền phí thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí.

Các văn bản pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể về trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động; trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định cơ quan nhà nước được khoán chi ở cấp trung ương, địa phương. Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị định như sau: *Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động là cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định của Chính phủ và cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính đặc thù được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.*

3.2. Về nguyên tắc xác định và quản lý, sử dụng số tiền phí được để lại

Căn cứ quy định tại Luật phí và lệ phí; các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tài chính của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và đặc điểm của hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị định như sau:

3. Phần tiền phí để lại cho tổ chức thu để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được trích theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền phí thu được.

Tỷ lệ phần trăm (%) này được xác định như sau:

Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định

$$\text{Tỷ lệ (\%)} = \frac{\text{Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định}}{\text{Dự toán cả năm về phí thu được}} \times 100$$

Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng loại phí và nội dung chi quy định tại Điều này, cơ quan có thẩm quyền (theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí) quyết định tỷ lệ phần trăm (%) để lại cho tổ chức thu phí. Trường hợp chính sách của Nhà nước thay đổi, số tiền phí được để lại không để chi phí cho hoạt động của tổ chức thu phí hoặc tồn dư qua các năm, cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp.

4. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định);

b) Chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí,... theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

c) Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

d) Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

đ) Các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

e) Ngoài các nội dung chi tại các điểm a, b, c, d và đ nêu trên, tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều này được chi thêm các nội dung: chi mua sắm trang thiết bị đầu tư để phát triển, chi hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào), chi đào tạo phát triển nguồn nhân lực và các khoản chi khác phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. TTCP quy định cụ thể các trường hợp được quy định tại điểm này.

Trường hợp cơ quan nhà nước được áp dụng cơ chế đặc thù, tiền phí để lại cho tổ chức thu phí được sử dụng theo quy định theo cơ chế tài chính đặc thù được cấp có thẩm quyền quy định.

Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền phí chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

So với nội dung quy định tại Nghị định số 57/2002/NĐ-CP quy định chi tiết Pháp lệnh phí và lệ phí thì nội dung thay đổi cơ bản như sau:

- Mở rộng phạm vi chi từ nguồn phí được để lại, do Luật NSNN và Luật phí và lệ phí quy định tiền phí được để lại để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí thay vì chi trực tiếp phục vụ tổ chức thu như tại Nghị định số 57/2002/NĐ-CP.

- Không quy định nội dung chi khen thưởng, phúc lợi: Tại các Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế tài chính của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập đã quy định việc trích và chi khen thưởng, phúc lợi. Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ không quy định nội dung chi khen thưởng, phúc lợi tại dự thảo Nghị định.

- Bổ sung nội dung: Ngoài các nội dung chi tại các điểm a, b, c, d và đ nêu trên, tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2

Điều này được chi thêm các nội dung: chi mua sắm trang thiết bị đầu tư để phát triển, chi hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào), chi đào tạo phát triển nguồn nhân lực và các khoản chi khác phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. TTCP quyết định cụ thể các trường hợp được quy định tại điểm này.

Trường hợp cơ quan nhà nước được áp dụng cơ chế đặc thù thì tiền phí để lại cho tổ chức thu được sử dụng theo quy định theo cơ chế tài chính đặc thù được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3.3. Về quản lý, sử dụng số tiền phí được để lại đối với tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao

a) Theo quy định Pháp lệnh phí và lệ phí hiện hành cũng như quy định tại Luật phí và lệ phí: các khoản phí, lệ phí thuộc NSNN hiện hành không chịu thuế. Tuy nhiên, có 02 trường hợp phí thuộc NSNN giao doanh nghiệp thu, cụ thể:

- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: Công ty cung cấp nước sạch thu phí cùng với tiền sử dụng nước sinh hoạt và được để lại tối đa 10% tiền phí thu được (HĐND cấp tỉnh quyết định mức để lại cụ thể).

- Phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện: Các Trung tâm Đăng kiểm thu phí được để lại 01% tiền phí thu được.

02 đơn vị này không phải là đơn vị cung cấp dịch vụ (xử lý nước thải, bảo trì đường bộ) mà chỉ thực hiện thu hộ Nhà nước và số tiền để lại cho đơn vị thu là khoản Nhà nước chi trả công thu. Vì vậy, pháp luật hiện hành quy định số tiền được để lại được hòa chung vào nguồn thu của doanh nghiệp. Sau khi trừ chi phí hoạt động, phát sinh thu nhập chịu thuế, doanh nghiệp thực hiện nộp thuế TNDN theo quy định.

b) Về phí sử dụng đường bộ: Theo quy định tại Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về quỹ bảo trì đường bộ thì phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện thu được nộp vào Quỹ bảo trì đường bộ. Tại Thông tư số 133/2014/TT-BTC quy định: Cơ quan đăng kiểm thu phí được để lại 1% chi tổ chức thu, phần còn lại nộp vào Quỹ bảo trì đường bộ trung ương (không nộp NSNN).

Đây là trường hợp đặc thù, vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại khoản 5 Điều 4 dự thảo Nghị định như sau: 5. *Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này); phần còn lại nộp NSNN (trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ). Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.*

4. Về quy định chuyển tiếp (Điều 5)

Hiện nay, có một số văn bản quy định thu phí, lệ phí mà nội dung về mức thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí phù hợp với quy định tại Luật phí và

lệ phí, như: lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký xe (nộp 100% tiền lệ phí vào NSNN),... hoặc Bộ Tài chính đang trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phí BVMT đối với khai thác khoáng sản. Như vậy, có thể không cần phải ban hành văn bản mới thay thế các văn bản này.

Một số khoản phí, lệ phí mới được các Bộ, ngành đề xuất đưa vào Danh mục, năm 2016 chưa thực hiện ban hành Thông tư quy định mức thu. Thực tế, Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Pháp lệnh từ năm 2001 đến nay vẫn còn một số khoản chưa quy định thu.

Có một số khoản phí được chuyển sang thực hiện theo cơ chế giá, hiện Bộ Tài chính dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 177/2013/NĐ-CP quy định chi tiết về giá. Để đảm bảo rõ hơn về các khoản phí chuyển sang giá, các Bộ, ngành, địa phương biết và triển khai thực hiện, cần có nội dung quy định về các khoản phí chuyển sang giá.

Vì vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định điều khoản chuyển tiếp (điều 5 dự thảo Nghị định) như sau:

1. Phí, lệ phí có tên trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí đã có văn bản quy định mà nội dung văn bản phù hợp với quy định tại Luật phí và lệ phí thì được tiếp tục thực hiện theo văn bản đó cho đến khi có văn bản hướng dẫn mới.

2. Phí, lệ phí có tên trong Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, nhưng chưa có văn bản hướng dẫn thì chưa được phép thu.

3. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện quyết toán số thu từ phí, lệ phí năm 2016 theo quy định của Pháp lệnh phí và lệ phí và quy định pháp luật về quản lý thuế.

4. Các khoản phí trong Danh mục phí và lệ phí kèm theo Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí chuyển sang cơ chế giá theo Luật phí và lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật về giá.

5. Về hướng dẫn thực hiện danh mục (Điều 7)

Tại khoản 5 Điều 18 Luật phí và lệ phí quy định về thẩm quyền của Chính phủ: *5. Hướng dẫn thực hiện thống nhất các khoản phí, lệ phí trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật này.*

Mỗi loại phí, lệ phí có dòng khác nhau; cách tính, mức thu khác nhau. Chẳng hạn, phí xét nghiệm vi khuẩn gây bệnh cho động vật, được quy định cụ thể theo từng loại vi khuẩn hiện có tới 60 loại nhưng không phải xuất hiện cùng lúc, mà từng thời điểm chỉ xuất hiện 1 loại: H5N1, H7N9,...

Để đảm bảo quy định cụ thể từng loại phí phù hợp với các dịch vụ cung cấp, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho quy định tại Điều 7 dự thảo Nghị định

như sau: Căn cứ thẩm quyền giao tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, Bộ Tài chính, HĐND cấp tỉnh quy định cụ thể các khoản phí, lệ phí trong Danh mục phí và lệ phí.

6. Về hiệu lực thi hành

Nghị định có hiệu lực thi hành theo hiệu lực của Luật phí và lệ phí (từ ngày 01 tháng 01 năm 2017).

III. Ý KIẾN THAM GIA CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

.....

Trên đây là nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, CST (P5).

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Dự thảo lần 3

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí về kê khai, thu, nộp phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí; trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức trong việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Người nộp phí, lệ phí là tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật phí và lệ phí.
2. Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.
3. Cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

Chương II

KÊ KHAI, THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ, LỆ PHÍ

Điều 3. Kê khai, thu, nộp phí, lệ phí

1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh theo quy định.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí, lệ phí thu được như sau:

a) Về lệ phí, tổ chức thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào NSNN. Căn cứ số tiền lệ phí thu được, định kỳ tổ chức thu lệ phí phải nộp tiền lệ phí đã thu được trong kỳ vào NSNN. Hàng tháng, tổ chức thu lệ phí thực hiện kê khai với cơ quan thuế theo quy định pháp luật quản lý thuế và nộp số tiền lệ phí còn lại (nếu có) vào NSNN. Tổ chức thu lệ phí thực hiện báo cáo thu lệ phí năm theo quy định pháp luật.

b) Về phí, căn cứ số tiền phí thu được, định kỳ hàng ngày hoặc hàng tuần, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí thu được vào tài khoản tiền phí chờ nộp ngân sách mở tại KBNN. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo kỳ khai tháng, báo cáo năm theo quy định pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí vào NSNN.

c) Phí sử dụng đường bộ (thu theo đầu phương tiện) thực hiện theo quy định của Chính phủ về quỹ bảo trì đường bộ.

d) Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu phí, lệ phí theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Đồng tiền thu nộp phí, lệ phí

a) Phí, lệ phí thu tại Việt Nam bằng đồng Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật quy định được thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ. Trường hợp quy định thu bằng ngoại tệ thì được thu bằng ngoại tệ hoặc thu bằng Việt Nam đồng trên cơ sở quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá như sau:

Trường hợp nộp phí, lệ phí tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng thì áp dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi người nộp phí, lệ phí mở tài khoản tại thời điểm nộp phí, lệ phí.

Trường hợp nộp phí, lệ phí trực tiếp bằng tiền mặt cho tổ chức thu phí, lệ phí và tổ chức thu phí, lệ phí nộp tiền phí, lệ phí thu được vào NSNN áp dụng tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyên khoản của Hội sở chính Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nộp phí, lệ phí.

b) Phí, lệ phí thu ở nước ngoài được thu bằng tiền của nước sở tại hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyên đổi.

Điều 4. Quản lý và sử dụng phí

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải

nộp vào NSNN, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ (theo tỷ lệ quy định tại khoản 3 Điều này), phần còn lại nộp NSNN.

Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động là cơ quan thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định của Chính phủ và cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính đặc thù được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (theo tỷ lệ quy định tại khoản 3 Điều này), phần còn lại nộp NSNN.

3. Số tiền phí được khấu trừ, được để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được trích theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền phí thu được.

Tỷ lệ phần trăm (%) được xác định như sau:

Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho hoạt động
cung cấp dịch vụ, thu phí theo chế độ, tiêu chuẩn,
định mức quy định

$$\text{Tỷ lệ (\%)} = \frac{\text{Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định}}{\text{Dự toán cả năm về phí thu được}} \times 100$$

Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng loại phí và nội dung chi quy định tại Điều này, cơ quan có thẩm quyền (theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí) quyết định tỷ lệ phần trăm (%) để lại cho tổ chức thu phí. Trường hợp chính sách của Nhà nước thay đổi, số tiền phí được để lại không đủ chi phí cho hoạt động của tổ chức thu phí hoặc tồn dư qua các năm, cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp.

4. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định);

b) Chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí... theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

c) Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

d) Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

đ) Các khoản chi khác liên quan đến thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

e) Ngoài các nội dung chi tại các điểm a, b, c, d và đ nêu trên, tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 Điều này được chi thêm các nội dung: chi mua sắm trang thiết bị đầu tư để phát triển, chi hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào), chi đào tạo phát triển nguồn nhân lực và các khoản chi khác phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. TTCP quyết định cụ thể các trường hợp được quy định tại điểm này.

Trường hợp cơ quan nhà nước được áp dụng cơ chế đặc thù, tiền phí để lại cho tổ chức thu phí được sử dụng theo quy định theo cơ chế tài chính đặc thù được cấp có thẩm quyền quy định.

Hàng năm, tổ chức thu phí phải quyết toán thu, chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền phí chưa chi trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

5. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này); phần còn lại nộp NSNN (trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ). Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Phí, lệ phí có tên trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí đã có văn bản quy định mà nội dung văn bản phù hợp với quy định tại Luật phí và lệ phí thì được tiếp tục thực hiện theo văn bản đó cho đến khi có văn bản hướng dẫn mới.

2. Phí, lệ phí có tên trong Danh mục chi tiết phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, nhưng chưa có văn bản hướng dẫn thì chưa được phép thu.

3. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện quyết toán số thu từ phí, lệ phí năm 2016 theo quy định của Pháp lệnh phí và lệ phí và quy định pháp luật về quản lý thuế.

4. Các khoản phí trong Danh mục phí và lệ phí kèm theo nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí chuyển sang cơ chế giá theo Luật phí và lệ phí thực hiện theo quy định pháp luật về giá.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Bãi bỏ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006; Nghị định số 115/2011/NĐ-CP ngày 14/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ thẩm quyền giao tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí, Bộ Tài chính, HĐND cấp tỉnh quy định cụ thể các dòng phí, lệ phí phù hợp với quy định pháp luật.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng